

Sử dụng thiết bị dạy học lớp 2 trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Cao Thị Phương Chi

Email: chictp@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết trình bày kết quả khảo sát về thực trạng trang bị và sử dụng thiết bị dạy học lớp 1 tại 9 tỉnh, thành phố. Thiết bị dạy học lớp 2 về cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhưng thời điểm tiếp nhận chưa phù hợp, chất lượng thiết bị được đánh giá là ở mức trên trung bình. Giáo viên đã sử dụng các phương pháp dạy học nhưng tập trung nhiều ở một số môn có nhiều thiết bị dạy học, công tác tập huấn thiết bị chưa được chú trọng nhiều, còn dành rất ít thời gian tập huấn thiết bị dạy học. Cán bộ quản lý còn bỏ qua việc yêu cầu các công ti cung cấp thiết bị tập huấn thiết bị mà họ cung cấp.

TỪ KHÓA: Thiết bị dạy học, sử dụng thiết bị dạy học, phương pháp dạy học, thiết bị dạy học lớp 2, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

→ Nhận bài 16/10/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 30/11/2022 → Duyệt đăng 25/12/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220217>

1. Đặt vấn đề

Thiết bị dạy học, trước đây gọi là phương tiện dạy học, là một trong những thành tố quan trọng của quá trình dạy học, một bộ phận gắn liền với phương pháp dạy học và cũng có ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình dạy học. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định những điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình, trong đó có yêu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, nhấn mạnh đến việc phải có thiết bị dạy học tối thiểu [1, tr.34]. Theo Điều 1 của Quy chế về thiết bị giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định 41/2000/QĐ-BGDĐT) nêu rõ: Thiết bị dạy học bao gồm thiết bị phục vụ giảng dạy và học tại lớp, thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị thể dục thể thao, thiết bị nhạc, họa và các thiết bị khác trong xưởng trường, vườn trường, phòng truyền thống nhằm đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng dạy và học, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện [2]. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã bắt đầu được triển khai từ năm học 2019 - 2020. Như vậy, khối lớp 2 đã hoàn thành một năm học theo chương trình mới. Mục đích của nghiên cứu này để đánh giá tình hình trang bị và sử dụng thiết bị dạy học của lớp 2.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm thiết bị dạy học

Theo tác giả Thái Duy Tuyên: “Phương tiện dạy học là những công cụ mà thầy giáo và học sinh sử dụng trong quá trình dạy học nhằm đạt được mục đích dạy học” [3]. Theo tác giả Phan Trọng Ngọ: “Phương tiện dạy học là toàn bộ sự vật, hiện tượng trong thế giới, tham gia vào quá trình dạy học, đóng vai trò là công cụ hay điều kiện để giáo viên và học sinh sử dụng làm khâu trung gian tác động vào đối tượng dạy học. Phương tiện

dạy học có chức năng khơi dậy, dẫn truyền và làm tăng sức mạnh tác động của người dạy và người học đến đối tượng dạy học” [4].

Trong công tác dạy học, bên cạnh sách giáo khoa, trường lớp, sân bãi... người dạy, người học phải dùng đến loại phương tiện được gọi là học cụ, giáo cụ trực quan, đồ dùng dạy học, thiết bị giáo dục. Ngày nay, thuật ngữ thiết bị dạy học được coi là đại diện cho các tên gọi trên. Có nhiều định nghĩa khác nhau về thiết bị dạy học: Theo Bách khoa Toàn thư Việt Nam, thiết bị dạy học là một vật thể hoặc một tập hợp các vật thể mà giáo viên và học sinh sử dụng trong quá trình dạy học để nâng cao hiệu quả của quá trình này, giúp học sinh lĩnh hội khái niệm, định luật,... hình thành các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết [5]. Như vậy, trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm: *Thiết bị dạy học là hệ thống đối tượng vật chất và tất cả những phương tiện kỹ thuật được giáo viên, học sinh sử dụng trong quá trình dạy học, nhằm góp phần thực hiện mục tiêu dạy học.*

2.2. Mô tả khảo sát

Để thực hiện nghiên cứu này, tháng 9 năm 2022, chúng tôi đã thực hiện khảo sát trực tuyến dành cho giáo viên lớp 2 và cán bộ quản lý cùng nhân viên thiết bị các trường tiểu học về hiện trạng trang bị và sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình triển khai chương trình lớp 2 mới. Cuộc khảo sát được thực hiện tại 9 tỉnh, thành phố gồm: Lào Cai, Lai Châu, Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Cần Thơ, Kiên Giang, Long An, Kon Tum đại diện cho các vùng miền, các loại hình địa bàn khác nhau. Nội dung khảo sát tập trung vào các vấn đề sau: 1) Trang bị thiết bị dạy học cho các trường tiểu học; 2) Nhận định của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân

viên thiết bị về chất lượng thiết bị; 3) Thông tin về sử dụng thiết bị trong dạy học; 4) Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng thiết bị dạy học. Số phiếu khảo sát đã thu về được gồm: 1005 phiếu cán bộ quản lý; 4442 phiếu giáo viên; 545 phiếu nhân viên thiết bị.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Về trang bị thiết bị dạy học

a. Thời điểm tiếp nhận thiết bị dạy học

Về cơ bản, các thiết bị dạy học được trang bị đã về kịp yêu cầu của năm học. Các thiết bị khá đồng đều về tỉ lệ giữa các bộ môn, tuy nhiên vẫn còn dãn trải cả năm học và vẫn còn tình trạng cuối năm học mà chưa nhận được thiết bị dạy học, cụ thể: Tỉ lệ % giáo viên trả lời cho thời điểm này là môn Toán 9,2%, Tiếng Việt 9,7%, Tự nhiên xã hội 13,2%, Âm nhạc 13,6%, Mĩ thuật 13,8%, Giáo dục thể chất 13,1%, Đạo đức 13,1%, Hoạt động trải nghiệm 13,5%.

Bảng 1: Thời điểm tiếp nhận thiết bị dạy học

Thời điểm nhận thiết bị dạy học	Thiết bị dạy học môn							
	Toán	Tiếng Việt	Tự nhiên xã hội	Âm nhạc	Mĩ thuật	Giáo dục thể chất	Đạo đức	Hoạt động trải nghiệm
Trước năm học	17.6%	17.4%	21.6%	22.9%	23.1%	22.8%	21.2%	20.6%
Đầu năm học	63.6%	63.5%	75.8%	75.1%	74.9%	75.2%	75.8%	74.6%
Giữa học kì I	4.9%	4.8%	5.7%	6.0%	5.9%	5.8%	5.5%	6.3%
Cuối học kì I	2.6%	2.6%	2.9%	2.5%	2.7%	2.9%	2.9%	3.0%
Giữa học kì II	2.1%	2.2%	2.4%	2.8%	2.7%	3.0%	2.5%	2.7%
Chưa nhận	9.2%	9.7%	13.2%	13.6%	13.8%	13.1%	13.1%	13.5%

Bảng 2: Mức độ trang bị phòng học bộ môn

Phòng học Bộ môn	Mức độ đáp ứng	Cán bộ quản lý		Giáo viên		Nhân viên thiết bị	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ	Đủ theo quy định	265	26.4%	1840	41.4%	181	33.2%
	Không biết	8	.8%	299	6.7%	22	4.0%
	Không có	554	55.1%	1559	35.1%	262	48.1%
	Không đủ theo quy định	178	17.7%	744	16.7%	80	14.7%
Phòng học bộ môn Tin học	Đủ theo quy định	702	69.9%	2995	67.4%	386	70.8%
	Không biết	2	.2%	235	5.3%	11	2.0%
	Không có	116	11.5%	423	9.5%	53	9.7%
	Không đủ theo quy định	185	18.4%	789	17.8%	95	17.4%
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	Đủ theo quy định	596	59.3%	2706	60.9%	317	58.2%
	Không biết	6	.6%	258	5.8%	11	2.0%
	Không có	235	23.4%	760	17.1%	124	22.8%
	Không đủ theo quy định	168	16.7%	718	16.2%	93	17.1%
Phòng học bộ môn Âm nhạc	Đủ theo quy định	522	51.9%	2603	58.6%	311	57.1%
	Không biết	6	.6%	237	5.3%	11	2.0%
	Không có	303	30.1%	843	19.0%	137	25.1%
	Không đủ theo quy định	174	17.3%	759	17.1%	86	15.8%

Điều đó cho thấy, vẫn có một số lượng giáo viên không có thiết bị dạy học phải dạy chay. Điều đó ảnh hưởng đến chất lượng dạy học nhất vì danh mục thiết bị đã được thiết kế là danh mục tối thiểu (xem Bảng 1).

b. Về mức độ trang bị các phòng bộ môn

Về thực trạng các phòng học bộ môn chưa đủ theo quy định, môn học được cho là đủ nhất có phòng học bộ môn Tin học có tỉ lệ % nhận định: Cán bộ quản lý 69,9%, giáo viên 67,4%, nhân viên thiết bị 70,8%. Nhưng phòng Khoa học công nghệ thì lại chỉ có cán bộ quản lý 26,4%, giáo viên 41,4% nhân viên thiết bị 33,2%. Điều đó cho thấy, cơ sở vật chất đủ điều kiện để phát huy hiệu quả của thiết bị dạy học còn rất thấp, cần đầu tư trang bị đủ cho các môn học (xem Bảng 2).

c. Số lượng thiết bị dạy học theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2

Khi được hỏi về số lượng trang bị, thiết bị dạy học lớp 2, các giáo viên có những nhận định tương đối tương

Phòng học Bộ môn	Mức độ đáp ứng	Cán bộ quản lí		Giáo viên		Nhân viên thiết bị	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Phòng học bộ môn Mĩ thuật	Đủ theo quy định	504	50.1%	2479	55.8%	288	52.8%
	Không biết	5	.5%	242	5.4%	11	2.0%
	Không có	323	32.1%	950	21.4%	157	28.8%
	Không đủ theo quy định	173	17.2%	771	17.4%	89	16.3%
Phòng đa chức năng	Đủ theo quy định	216	21.5%	1844	41.5%	195	35.8%
	Không biết	12	1.2%	239	5.4%	12	2.2%
	Không có	616	61.3%	1559	35.1%	242	44.4%
	Không đủ theo quy định	161	16.0%	800	18.0%	96	17.6%
Phòng Thiết bị giáo dục	Đủ theo quy định	685	68.2%	2926	65.9%	345	63.3%
	Không biết	5	.5%	215	4.8%	8	1.5%
	Không có	121	12.0%	455	10.2%	67	12.3%
	Không đủ theo quy định	194	19.3%	846	19.0%	125	22.9%
Nhà đa năng	Đủ theo quy định	246	24.5%	1832	41.2%	208	38.2%
	Không biết	9	.9%	217	4.9%	15	2.8%
	Không có	592	58.9%	1643	37.0%	242	44.4%
	Không đủ theo quy định	158	15.7%	750	16.9%	80	14.7%
Thư viện	Đủ theo quy định	803	79.9%	3534	79.6%	431	79.1%
	Không biết	5	.5%	157	3.5%	8	1.5%
	Không có	31	3.1%	102	2.3%	17	3.1%
	Không đủ theo quy định	166	16.5%	649	14.6%	89	16.3%

đồng nhau. Số thiết bị dạy học chưa được trang bị nhiều nhất là Hoạt động trải nghiệm chiếm 7,7% và thấp nhất là môn Toán chiếm 5,7%. Tuy nhiên, số giáo viên trả lời thiết bị có trang bị nhưng chưa đầy đủ khá cao, cao nhất là môn Giáo dục thể chất chiếm, 15,7%. Như vậy, số lượng thiết bị dạy học được cho là chưa trang bị và trang bị chưa đầy đủ khá đồng đều, chiếm khoảng 20%. Điều đó đồng nghĩa với việc các giáo viên này phải dạy chay khi không có thiết bị dạy học (xem Bảng 3).

d. Về chất lượng Thiết bị dạy học (theo yêu cầu của danh mục)

Đề đánh giá về chất lượng thiết bị dạy học, chúng tôi quan tâm đến ý kiến đánh giá của giáo viên vì họ trực tiếp sử dụng thiết bị dạy học. Giáo viên nhận định, chất lượng thiết bị dạy học ở thời điểm nhận thiết bị đáp ứng tốt được đánh giá cao nhất ở thiết bị dạy học môn Toán

11,9%, thấp nhất của đáp ứng tốt là thiết bị dạy học môn Đạo đức là 10,6%. Đáp ứng được cao nhất là thiết bị dạy học Hoạt động trải nghiệm là 53% và thấp nhất là môn Mĩ thuật là 47,5%.

Về đáp ứng được một phần, cao nhất là thiết bị dạy học Hoạt động trải nghiệm là 33,2% và thấp nhất là môn Toán 29,6%. Không đáp ứng được cao nhất là thiết bị dạy học môn Hoạt động trải nghiệm là 2,7%, thấp nhất là môn Toán và môn Tiếng Việt là 1,7%.

Từ các số liệu trên cho thấy, chất lượng thiết bị dạy học được đánh giá ở mức độ khá tương đồng nhau và chất lượng được đánh giá tương đối đảm bảo so với yêu cầu được mô tả trong danh mục thiết bị dạy học tối thiểu. Tuy nhiên, có một nhóm thiết bị dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất được đánh giá chất lượng thấp hơn (xem Bảng 4).

Bảng 3: Ý kiến của giáo viên về trang bị thiết bị dạy học theo yêu cầu tối thiểu

Số lượng thiết bị dạy học	Môn học							
	Toán	Tiếng Việt	Tự nhiên xã hội	Âm nhạc	Mĩ thuật	Giáo dục thể chất	Đạo đức	Hoạt động trải nghiệm
Chưa trang bị	5.7%	6.3%	6.9%	5.8%	6.5%	5.8%	6.9%	7.7%
Đủ so với quy định tối thiểu	80.3%	79.7%	78.8%	77.3%	76.5%	76.2%	78.7%	76.5%
Không đủ theo quy định tối thiểu	12.4%	12.5%	13.0%	14.8%	15.0%	15.7%	12.8%	14.1%
Vượt so với quy định	1.6%	1.5%	1.4%	2.1%	2.0%	2.3%	1.6%	1.8%

Bảng 4: Chất lượng thiết bị dạy học

Mức độ đáp ứng	Môn học							
	Toán	Tiếng Việt	Tự nhiên xã hội	Âm nhạc	Mĩ thuật	Giáo dục thể chất	Đạo đức	Hoạt động trải nghiệm
Đáp ứng tốt	11.9%	11.6%	10.9%	10.8%	10.7%	10.7%	10.6%	11.1%
Đáp ứng được	51.8%	51.2%	50.7%	48.2%	47.5%	48.2%	50.6%	53.0%
Đáp ứng một phần	29.6%	29.7%	30.5%	32.6%	32.8%	32.3%	30.5%	33.2%
Hoàn toàn không đáp ứng	1.7%	1.7%	1.9%	2.5%	2.6%	2.7%	2.1%	2.7%
Không được trang bị	5.0%	5.8%	6.0%	5.8%	6.4%	6.2%	6.3%	7.3%

Bảng 5: Mức độ sử dụng thiết bị dạy học so với yêu cầu của chương trình

Mức độ sử dụng	Môn học							
	Toán	Tiếng Việt	Tự nhiên xã hội	Âm nhạc	Mĩ Thuật	Giáo dục thể chất	Đạo đức	Hoạt động trải nghiệm
Không sử dụng	1.6%	2.1%	2.3%	3.7%	4.2%	3.4%	2.7%	2.9%
Sử dụng đủ so với yêu cầu	79.0%	79.0%	77.9%	76.1%	75.5%	76.3%	78.6%	77.4%
Sử dụng một phần so với yêu cầu	13.4%	13.4%	15.6%	15.7%	15.8%	15.9%	15.0%	15.7%
Sử dụng nhiều hơn so với yêu cầu	6.0%	5.5%	4.1%	4.5%	4.5%	4.5%	3.6%	4.0%

Bảng 6: Hiệu quả sử dụng của các hình thức sử dụng thiết bị dạy học

Mức độ hiệu quả	Thiết bị dạy học được giáo viên sử dụng		Hoạt động của học sinh		Hình thức thiết bị dạy học trong đánh giá học sinh	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Rất hiệu quả	299	6.7%	1828	41.2%	1825	52.7%
Hiệu quả	2463	55.4%	711	16.0%	302	8.7%
Tương đối hiệu quả	1417	31.9%	159	3.6%	46	1.3%
Hiệu quả một phần	244	5.5%	170	3.8%	176	5.1%
Không hiệu quả	19	0.4%	1574	35.4%	1117	32.2%

2.3.2. Về sử dụng thiết bị trong dạy học

a. Về mức độ sử dụng thiết bị dạy học so với yêu cầu của chương trình, sách giáo khoa

Các giáo viên đều nhận thấy tầm quan trọng của thiết bị dạy học trong dạy học Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nên việc sử dụng thiết bị dạy học được các giáo viên sử dụng đủ và thậm chí còn hơn cả yêu cầu ở mức khá cao như là mức đủ so với yêu cầu của môn Toán và môn Tiếng Việt lên tới 79%, vượt yêu cầu ở môn Toán là 6,0% và Tiếng Việt là 5,5%. Thấp nhất là môn Mỹ thuật thì mức sử dụng đủ so với yêu cầu cũng đạt 75,5% và nhiều hơn so với yêu cầu là 4,5%

Như vậy, với Chương trình 2018, giáo viên đã hiểu được và sử dụng thiết bị dạy học rất nhiều (xem Bảng 5).

b. Hiệu quả của cách thức sử dụng của giáo viên khi hướng dẫn dạy học

Các hình thức sử dụng thiết bị dạy học được giáo viên sử dụng khá nhiều có thể kể đến như việc giáo viên sử dụng thiết bị dạy học để minh họa, để cho học sinh thực hành thiết bị dạy học, hoạt động làm thiết bị dạy học, sử dụng thiết bị dạy học để đánh giá học sinh...

Khảo sát các mức độ hiệu quả: Giáo viên đánh giá khá cao ở hình thức giáo viên sử dụng, hình thức hoạt động tự làm thiết bị dạy học của học sinh lại được giáo viên đánh giá thấp, thậm chí không hiệu quả chiếm 35,4%. Ở hình thức sử dụng để đánh giá học sinh rất hiệu quả được cho là 52,7%, hiệu quả 8,7% nhưng mức không hiệu quả lại khá cao 32,2% (xem Bảng 6).

Tác động của thiết bị dạy học trong hứng thú sử dụng thiết bị dạy học đem lại (xem Bảng 7)

2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng để việc sử dụng thiết bị dạy học

a. Công tác tập huấn về thiết bị dạy học

Công tác tập huấn thiết bị cả về quản lý lẫn hướng dẫn sử dụng ở các địa phương vẫn còn rất ít. Số cán bộ quản lý chưa được tập huấn chiếm 45,3%, số giáo viên chưa được tập huấn chiếm 40,9%, số nhân viên thiết bị chưa được tập huấn chiếm cao nhất là 65,7%. Điều đó dẫn đến việc bảo quản cũng như sử dụng thiết bị dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thiết bị sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều (xem Bảng 8).

b. Đơn vị tập huấn thiết bị dạy học

Bảng 7: Mức độ hứng thú của học sinh khi sử dụng thiết bị dạy học

Mức độ	Môn học							
	Toán	Tiếng Việt	Tự nhiên xã hội	Âm nhạc	Mĩ thuật	Giáo dục thể chất	Đạo đức	Hoạt động trải nghiệm
Rất hứng thú	10.8%	10.7%	10.7%	10.3%	9.8%	10.1%	10.1%	10.9%
Hứng thú	44.3%	44.5%	44.2%	40.3%	41.0%	41.8%	44.1%	43.8%
Hứng thú một phần	8.8%	8.8%	8.9%	9.4%	9.9%	10.4%	9.5%	9.3%
Khá hứng thú	35.7%	35.4%	35.5%	38.1%	37.2%	35.9%	35.3%	35.1%
Không hứng thú	0.4%	0.6%	0.7%	1.8%	2.1%	1.8%	1.1%	0.9%

Bảng 8: Tình trạng tập huấn thiết bị dạy học

Mức độ tập huấn	Cán bộ quản lí		Giáo viên		Nhân viên thiết bị	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Chưa được tập huấn	455	45.3%	1818	40.9%	358	65.7%
Tập huấn độc lập	272	27.1%	909	20.5%	99	18.2%
Tập huấn tích hợp	278	27.7%	1715	38.6%	88	16.1%

Việc tập huấn sử dụng thiết bị dạy học theo phản ánh của những người được khảo sát chủ yếu do cơ quan quản lí (sở và phòng giáo dục và đào tạo) thực hiện: Với cán bộ quản lí sở giáo dục và đào tạo tập huấn chiếm 48,7%, phòng giáo dục và đào tạo tập huấn được cho là 61,5%, Với giáo viên: Sở giáo dục và đào tạo tập huấn 25,8%, phòng giáo dục và đào tạo tập huấn 62,7%. Với nhân viên thiết bị: Sở giáo dục và đào tạo tập huấn 28,7%, phòng giáo dục và đào tạo tập huấn 52,9%. Số người được công ti cung cấp thiết bị dạy học tập huấn chiếm tỉ lệ không đáng kể 29,5% (cán bộ quản lí), 0% (nhân viên thiết bị) và 12,7% (giáo viên). Điều này cho thấy, các cơ sở giáo dục chưa quan tâm đến việc yêu cầu các công ti tập huấn về sử dụng những trang thiết bị do họ cung cấp.

Bảng 9: Đơn vị tập huấn thiết bị dạy học

Đơn vị tập huấn	Cán bộ quản lí		Giáo viên		Nhân viên thiết bị	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Bộ Giáo dục và Đào tạo	54	10.2%	282	10.7%	12	6.9%
Sở Giáo dục và Đào tạo	259	48.7%	676	25.8%	50	28.7%
Phòng Giáo dục và Đào tạo	327	61.5%	1141	43.5%	92	52.9%
Trường nơi Thầy/Cô giảng dạy	0	0.0%	1645	62.7%	64	36.8%
Đơn vị cung cấp thiết bị dạy học	157	29.5%	334	12.7%	0	0.0%

Bảng 10: Số ngày tập huấn thiết bị dạy học trung bình

Đơn vị mua sắm thiết bị dạy học	Cán bộ quản lí	Giáo viên	Nhân viên thiết bị	Toàn bộ
	Số ngày trung bình	Số ngày trung bình	Số ngày trung bình	Số ngày trung bình
Trường mua	1.05	1.09	1.16	1.09
Mua theo phòng giáo dục và đào tạo	0.93	1.07	1.29	1.06
Mua theo sở giáo dục và đào tạo	0.88	1.01	1.08	0.99

Như vậy, giáo viên biết sử dụng thiết bị dạy học như một phần của phương pháp dạy học nhưng vận hành cụ thể thiết bị có thể không nắm chắc. Vì thế, làm ảnh hưởng đến sự tự tin của giáo viên khi sử dụng thiết bị, dẫn đến không dám sử dụng thiết bị, làm giảm hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học. Nhân viên thiết bị không được tập huấn sẽ không nắm được cách bảo dưỡng, bảo trì thiết bị, dẫn đến tuổi thọ thiết bị bị giảm (xem Bảng 9).

c. Thời lượng tập huấn thiết bị dạy học

Khi được hỏi về thời lượng tập huấn thiết bị, giáo viên, nhân viên thiết bị, cán bộ quản lí đều trả lời mức trung bình là 1,5 ngày. Tuy nhiên, khi so sánh số ngày của các loại hình mua sắm thì lại có sự khác biệt. Nhóm thiết bị do trường mua sắm được tập huấn số ngày cao hơn (xem Bảng 10): Cán bộ quản lí trung bình 1,05

ngày, giáo viên 1,09 ngày, nhân viên thiết bị 1,16 ngày. Nhóm mua sắm do phòng giáo dục và đào tạo: Cán bộ quản lý số ngày trung bình là 0,93 ngày, giáo viên là 1,07 ngày, nhân viên thiết bị 1,29 ngày. Còn ở nhóm mua sắm do sở giáo dục và đào tạo, số ngày trung bình của cán bộ quản lý là 0,88, giáo viên là 1,01 và nhân viên thiết bị là 1,08. Điều đó cho thấy, nhóm tự do trường mua sắm được quan tâm đến tập huấn thiết bị nhiều hơn. Tuy nhiên, tất cả các nhóm số ngày tập huấn thiết bị vẫn có thời lượng quá thấp. Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành theo Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT, thiết bị dạy học của lớp 2 bao gồm rất nhiều bộ thiết bị cho tám môn học và thiết bị dùng chung. Số thiết bị dạy học của môn học là 93 gồm nhiều loại hình thiết bị, các bộ thiết bị và thiết bị đơn lẻ [6]. Thiết bị dạy học dùng chung là 11 thiết bị, trong đó có những máy móc như máy chiếu, máy tính, tivi...

3. Kết luận

Thiết bị dạy học chủ yếu được mua do phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo, một số ít do trường tự mua sắm. Tuy nhiên, nhóm thiết bị do trường mua sắm thì có số ngày được tập huấn lại cao hơn hai nhóm còn lại.

Các hoạt động rà soát, đối chiếu, đánh giá thực trạng thiết bị dạy học, đề xuất danh mục, nhận và kiểm tra

thiết bị được các trường cho là mình có tổ chức các hoạt động khá cao. Điều đó cho thấy hoạt động quản lý thiết bị đã được chú trọng. Số lượng thiết bị dạy học về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu tối thiểu của chương trình. Thời điểm trang bị thiết bị dạy học nhìn chung đáp ứng được yêu cầu, thiết bị trang bị dần trải cả năm học, một số ít còn chưa được trang bị. Về cơ bản thiết bị dạy học được đánh giá là phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018: Chất lượng thiết bị dạy học đảm bảo yêu cầu của môn học và được đánh giá cao hơn ở nhóm môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức. Mức độ sử dụng so với yêu cầu của chương trình đạt yêu cầu, các phương pháp dạy học đều được áp dụng, tuy nhiên mức độ thường xuyên có khác nhau. Hứng thú của học sinh được đánh giá cao hơn ở các môn có sử dụng nhiều thiết bị dạy học như Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội. Công tác tập huấn sử dụng thiết bị dạy học cho các đối tượng còn chưa được coi trọng đầy đủ. Các công ti cung cấp thiết bị thực hiện tập huấn kỹ thuật, chuyên giao cho các đơn vị mua thiết bị dạy học còn sơ sài. Vì vậy, về cơ bản, thiết bị dạy học lớp 2 đã đáp ứng được Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tuy nhiên, cần có những điều chỉnh về thời gian cung cấp thiết bị dạy học, về công tác tập huấn sử dụng thiết bị dạy học thì hiệu quả của dạy và học sẽ có kết quả tốt hơn.

Tài liệu tham khảo

- | | |
|--|--|
| <p>[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/12/2018), Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể.</p> <p>[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (07/9/2000), Quyết định số 41/2000/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Quy chế thiết bị giáo dục trong trường mầm non, trường phổ thông.</p> <p>[3] Thái Duy Tuyên, (2007), <i>Phương pháp dạy học truyền</i></p> | <p><i>thống và đổi mới</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[4] Phan Trọng Ngọ, (2005), <i>Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường</i>, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[5] https://bkt.vn.</p> <p>[6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (05/4/2019), Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2.</p> |
|--|--|

THE USE OF TEACHING AIDS FOR GRADE 2 IN THE CONTEXT OF IMPLEMENTING THE 2018 GENERAL EDUCATION PROGRAM

Cao Thị Phương Chi

Email: chictp@vnies.edu.vn
The Vietnam National Institute of Educational Sciences
52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *This article presents the outcomes of a survey on the status of teaching aids and their use in Grade 2 in nine provinces. Basically, the teaching aids meet the educational requirements, but their delivery is not timely; the quality is rated as above average; teachers use various teaching methods but concentrated in subjects that involve many teaching aids; time for training on the teaching aids is limited; and school administrators did not require much training from the suppliers.*

KEYWORDS: Teaching aids, application of teaching aids, teaching methods, teaching aids for Grade 2, 2018 General Education program.